

Bản án số: **188/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/8/2020

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa chị Trần Thị T và anh Trịnh Ngọc T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tùng.
2. Ông Lê Quang Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trịnh Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/5/2015 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh T. Tuy nhiên, do cả hai không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn và thường xuyên cãi chửi nhau nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Chị xác định tình cảm với anh Tuyên đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc V, sinh ngày 13/5/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị và học tại Trường mầm non T, thị trấn T, huyện H. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc V, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Mức thu nhập của chị từ 150.000 đồng đến 170.000 đồng/ngày.

Về tài sản chung, đất đai, công nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trịnh Ngọc T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị T có quá trình tìm hiểu và kết hôn như chị T trình bày là đúng. Anh xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2009 anh bị tai nạn giao thông, ảnh hưởng tâm lý nên hay nói nhiều, không kiềm chế được bản thân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi chửi nhau, nay chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí vì xác định vợ chồng có chung sống cũng không hòa hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị T trình bày là đúng, hiện nay cháu V đang ở với chị T. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dạy cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Công việc của anh hiện nay là lao động tự do, thu nhập 20.000đ/ngày. Tại phiên tòa anh T xác định thu nhập của anh là 700.000đ/ngày.

Về tài sản chung, đất đai, công nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T; giao cháu Trịnh Ngọc V cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cuộc sống chung không được hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên cãi chửi và cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiên bộ. Các đương sự đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn. Vì vậy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trịnh Ngọc T.

[2] Về con chung: Chị T và T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc V, sinh ngày 13/5/2017, hiện đang ở cùng chị T. Các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Qua xác minh tại địa phương thì chị T và anh T có điều kiện kinh tế như nhau (đều là lao động tự do, hiện chưa có nhà riêng và sống chung cùng gia đình). Cháu V mới được

hơn 3 tuổi nên cần có sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, bên cạnh đó anh T xác định bản thân hiện nay sức khỏe không ổn định, cần phải có sự hỗ trợ của gia đình cả về kinh tế lẫn sinh hoạt hàng ngày, do đó không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy con. HĐXX thấy rằng cần giao cháu Việt cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Tâm phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Trịnh Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc V, sinh ngày 13/5/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002047 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên. Anh Trịnh Ngọc T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai

